TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2017.
"*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân.
+ Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Hồ Văn Bún;
2/ Bà Tạ Ngọc Huệ.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái Hưng – Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hồng Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 86/2017/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2017 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/11/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Lê Văn Ngh, sinh năm: 1991 (*Có mặt*).
Trú tại: ấp Tr, xã Th, huyện V, tỉnh Long An.
2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm: 1990 (*Có mặt*).
Trú tại: ấp Tr, xã Th, huyện V, tỉnh Long An.
3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1972 (*Có đơn xin vắng mặt*).
Trú tại: ấp Tr, xã Th, huyện V, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn, ông Lê Văn Ngh trình bày: Được sự đồng ý của gia đình hai bên, ngày 05/7/2014 ông và bà G có tổ chức lễ cưới, chính thức sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Bình Trung vào ngày 12/6/2014. Sau khi cưới ông và bà Gấm về làm ăn sinh sống tại ấp Trung Trực, xã Thái Bình Trung, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An cho đến nay. Sau khi cưới, ông và bà G sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm

sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông và bà G đã bỏ nhau từ ngày 22/8/2017 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm ông và bà G không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng G.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông và bà G có một con chung tên Lê Kh, sinh ngày 17/01/2016 hiện đang sống chung với bà G. Nếu ly hôn ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Kh, không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà G tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống ông và bà G có nợ mẹ ruột bà G là Nguyễn Thị Nh, số tiền 10.000.000 đồng. Nếu ly hôn, các bên sẽ tự thỏa thuận giải quyết số nợ trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng G trình bày: Bà thống nhất về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, về con chung, tài sản chung, về nợ chung, nguyên nhân mâu thuẫn cũng như thời gian bỏ nhau. Nay trước yêu cầu ly hôn của ông Ngh, bà đồng ý ly hôn với ông Ngh.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông Ngh có một con chung tên Lê Kh, sinh ngày 17/01/2016 hiện đang sống chung với bà. Nếu ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kh, yêu cầu ông Ngh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi một tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Bà và ông Ngh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống bà và ông Ngh có thiếu mẹ bà là bà Nguyễn Thị Nh số tiền 10.000.000 đồng. Nếu ly hôn, các bên sẽ tự thỏa thuận giải quyết số nợ trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Nh có đơn xin vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ kiện. Tại đơn không yêu cầu giải quyết về nợ ngày 05/10/2017, bà trình bày: Năm 2016, bà có cho ông Lê Văn Ngh (*con rể*) và bà Nguyễn Thị Hồng G (*con ruột*) vay số tiền 10.000.000 đồng, hẹn khi nào làm có tiền sẽ trả lại. Hiện tại, bà G, ông Ngh có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền 10.000.000 đồng mà bà G, ông Ngh còn nợ bà, các bên sẽ tự thỏa thuận giải quyết.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, thời gian xét thụ lý đơn kiện còn trễ so với quy định. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên Tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Ngh, không chấp nhận yêu cầu của ông Ngh về nuôi con chung, bà G được tiếp tục giữ nuôi con chung và buộc bị đơn ông Ngh cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Tài sản chung, các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập

xem xét. Đối với khoản nợ 10.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Nh, do bà Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ trên nên không đề cập xem xét.

Vụ kiện đã được Tòa án hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Nh có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ kiện, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 18/9/2017, ông Ngh có đơn yêu cầu Toà án nhân dân huyện Vĩnh Hưng chấp nhận cho đương sự được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng G. Đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Do bà G cư trú tại huyện Vĩnh Hưng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn ông Ngh yêu cầu được ly hôn với bà G vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa ông và bà G không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét, hôn nhân giữa ông Ngh và bà G có đăng ký kết hôn, được UBND xã Thái Bình Trung cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/6/2014 đây là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình.

Xét, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa xét xử vụ kiện, nguyên đơn ông Ngh yêu cầu được ly hôn với bà G, bị đơn bà G cũng thống nhất đồng ý ly hôn với ông Ngh. Xét sự thỏa thuận giữa hai bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử xét công nhận.

[4] Về nuôi con chung: Trong thời gian sống chung, ông Ngh và bà G có với nhau 01 đứa con chung tên Lê Kh, sinh ngày 17/01/2016, hiện đang theo sống với bà G. Nếu ly hôn, bà G yêu cầu tiếp tục giữ nuôi cháu Kh và yêu cầu ông Ngh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Ngược lại, ông Nghiêm cũng yêu cầu được giữ nuôi cháu Kh, không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Kh sinh ngày 17/01/2016, hiện dưới 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử xét căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để bà G tiếp tục giữ nuôi cháu Khiêm.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà G yêu cầu ông Ngh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Ngược lại, ông Ngh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình thì "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con" nên Hội đồng xét xử xét cần buộc ông Nghiêm cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào điều kiện thu nhập của kinh tế của gia đình ông Nghiêm hiện tại, Hội đồng xét xử xét chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng tháng.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn ông Ngh và bà G xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử xét không đề cập xem xét.

[6] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ 10.000.000 đồng giữa bà với ông Lê Văn Ngh và bà Nguyễn Thị Hồng G nên Hội đồng xét xử xét không đề cập xem xét, nếu sau này có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[7] Án phí: Ông Ngh phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, 147, 271, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Ông Lê Văn Ngh được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng G.

[2] Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng G được tiếp tục giữ nuôi con chung tên Lê Kh, sinh ngày 17/01/2016. Ông Lê Văn Ngh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ khi ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ông Lê Văn Ngh có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về án phí: Ông Lê Văn Ngh phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004570 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng, ông Ngh còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Các bên đương sự được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh.
-VKSND Huyện.
-CCTHA DS Huyện.
-Các đương sự.
- UBND xã, thị trấn nơi đăng ký kết hôn
- Lưu.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm.
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà.

Trần Trọng Nhân